

DỜI ĐÔ VỀ THĂNG LONG

MỘT SỰ KIỆN LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

Vũ Minh Giang*

Từ trước đến nay hầu như tất cả các nhà sử học đều đánh giá cao quyết định chuyển kinh đô từ Hoa Lư về Thăng Long của vị hoàng đế sáng lập triều Lý, nhưng lý giải và phân tích ý nghĩa của sự kiện này thì thật đa dạng. Điềm qua những bộ sử mới được xuất bản gần đây có thể thấy ngay điều đó. Sách *Đại cương Lịch sử Việt Nam* cho rằng, Lý Thái Tổ "thấy Hoa Lư chật hẹp, kinh tế nông công thương còn thấp kém, giao thông vận tải gặp rất nhiều khó khăn, vị trí giao thông của sông Đáy đã giảm sút ..." nên muốn dời đô đi nơi khác⁽¹⁾. Các tác giả *Lịch sử Việt Nam* (Từ nguồn gốc đến ngày nay) lại cho rằng: "Việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long là một bước tiến mới, thể hiện sự trưởng thành của ý thức dân tộc và của giai cấp phong kiến"⁽²⁾. Đánh giá sự kiện trên, sách *Tiến trình Lịch sử Việt Nam* viết: "Việc dời đô về Thăng Long của Lý Công Uẩn đã chứng tỏ một tầm nhìn chiến lược sâu rộng của ông trong việc xây dựng một sự nghiệp lâu dài, phản ánh thế đi lên của vương triều và đất nước"⁽³⁾.

Về đại thể, những ý kiến trên đây đều đúng, nhưng ngoài những đánh giá tổng quát chưa thấy có tác giả nào đưa ra những kiến giải khả dĩ đi xa hơn trong việc phân tích sự kiện mà theo tôi có ý nghĩa như một bước ngoặt lịch sử. Bài viết nhỏ này cũng chưa thể nói được gì nhiều nhưng bằng một lối tiếp cận khác, chúng tôi

* PGS TSKH Đại học Quốc gia Hà Nội.

thử đặt việc dời đô trong bối cảnh lịch sử rộng lớn hơn để xem xét với hy vọng góp phần hiểu thêm sự kiện quan trọng này.

Năm 938 là một mốc son chói lọi đánh dấu sự kiện kết thúc hơn một nghìn năm thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự chủ trong lịch sử dân tộc. Kế tục sự nghiệp xây dựng nền tự chủ của họ Khúc, họ Dương, sau chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền xưng vương. Một triều đại phong kiến độc lập hình thành và người đứng đầu đất nước đã ý thức ngay rằng phải đặt thủ đô tại một nơi có vị trí trung tâm. Quyết định xây dựng kinh đô ở Cổ Loa đã phản ánh điều đó.

Tuy nhiên, làm thế nào để duy trì nền độc lập và phát triển đất nước trong hoàn cảnh mới là một bài toán khó mà người nắm vận mệnh quốc gia khi đó không dễ dàng tìm ngay được lời giải đáp. Chưa kịp tìm ra một mô hình cai trị thích hợp thì Ngô Quyền qua đời vào năm 944.

Đặc tính cố hữu của kinh tế tiểu nông là tự cấp tự túc. Tương ứng với cơ sở kinh tế đó là một kết cấu xã hội tương đối đóng kín. Dưới thời Bắc thuộc, khi chính quyền đô hộ thi hành chính sách đồng hoá ráo riết, làng xã đã thực sự là những "thành trì" kiên cố bảo vệ các giá trị văn hoá truyền thống của người Việt. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, tổ chức chặt chẽ của làng xã đã thể hiện được những mặt tích cực trong sự nghiệp đấu tranh chống Bắc thuộc. Các hào trưởng địa phương đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong phong trào giành độc lập. Họ đã liên kết với nhau để chống lại chính quyền đô hộ ngoại bang. Thế nhưng, sau khi giành được chính quyền, xu hướng cát cứ địa phương lại trở dậy. Hiện tượng sứ quân dường như đã xuất hiện ngay sau cái chết của Ngô Vương⁽⁴⁾.

PGS TS KH Đại học Quốc gia Hà Nội

Năm 967 Đinh Bộ Lĩnh đã có công lớn trong sự nghiệp dẹp loạn sứ quân. Đây không chỉ là một thắng lợi quân sự đơn thuần mà còn là sự thắng thế của khuynh hướng thống nhất quốc gia, một đòi hỏi khách quan của lịch sử. Sự tồn vong của đất nước trước nguy cơ ngoại xâm luôn thường trực cũng như công cuộc đắp đê, trị thủy cần tới sự thống nhất. Trong hoàn cảnh lịch sử đó, nhân tố giữ vai trò quyết định là một chính quyền trung ương vững mạnh.

Ý thức đầy đủ được sứ mệnh của mình, nhà Đinh đã đặc biệt quan tâm củng cố và đề cao uy lực của triều đình. Ông đã thực hiện mọi biện pháp để thực hiện điều đó, kể cả những biện pháp hà khắc nhất. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng: "*Vua muốn dùng uy chế ngự thiên hạ bèn đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong cũi, hạ lệnh rằng kẻ nào trái phép phải chịu tội bỏ vạc dầu, cho hổ ăn*"⁽⁵⁾. Cùng với những hình phạt khắc nghiệt, triều Đinh coi quân đội là chỗ dựa cơ bản của chính quyền trung ương. Đất nước được chia làm 10 đạo, mỗi đạo có đến 100.000 quân đóng giữ⁽⁶⁾. Có quyền hành thứ hai sau Hoàng đế là Thập đạo tướng quân, người nắm binh quyền trong cả nước. Trong bối cảnh như vậy, kinh đô của nước Đại Cồ Việt đặt ở Hoa Lư là hoàn toàn hợp lý. Nhưng cần phải thấy rằng đó là một căn cứ quân sự hiểm yếu với chức năng bảo vệ chính quyền trung ương hơn là một trung tâm Kinh tế - Văn hoá của cả nước.

Mô hình chính quyền quân sự, đóng đô thủ hiểm đã phát huy tác dụng trong giai đoạn đầu. Nhà Đinh đã tạo dựng được một chính quyền tập trung quyền lực vững mạnh. Kế tục đường lối triều Đinh, từ kinh đô Hoa Lư, Lê Hoàn đã lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống và khuất phục được nước Champa láng giềng ở phía Nam vào năm 981, đưa vị thế của đất nước lên một tầm cao mới.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau mô hình này đã bộc lộ nhiều mâu thuẫn và hạn chế.

Trước hết, sự tập trung quyền lực cao độ vào tay hoàng đế và người đứng đầu quân đội chỉ có thể tạo được sự ổn định trong một thời gian nhất định. Nguy cơ địa phương nổi dậy chống lại trung ương vẫn luôn tiềm ẩn. Đó là chưa kể đến mâu thuẫn thường trực ngay trong chính quyền trung ương có thể biến thành xung đột bất cứ lúc nào do tranh giành quyền lực. Vào năm 979, chỉ vì việc phong Thái tử mà Đinh Liễn đã giết chết em trai mình. Cùng năm đó, Chi hậu nội nhân Đỗ Thích giết cả hai cha con Đinh Tiên Hoàng nhằm đoạt ngôi vua. Năm 985, ngay sau khi Lê Hoàn vừa nắm xuống thì các con ông đã bỏ mặc cả việc tang lễ lao vào cuộc chém giết lẫn nhau giành quyền kế vị. Mô hình tập trung quyền lực thời Đinh - Lê không thể giữ được ổn định lâu dài.

Thứ hai, mô hình tập quyền thời Đinh - Lê phải dựa vào một đội quân thường trực mạnh. Tính toán theo các tư liệu lịch sử, nếu phiên chế đầy đủ binh lính trong 10 đạo có thể lên tới một triệu người. Trong hoàn cảnh kinh tế lúc đó, chính quyền khó có thể duy trì lâu dài một đội quân với số lượng đông như vậy.

Thứ ba, kinh đô là một căn cứ quân sự, đặt ở nơi có vị trí hiểm yếu không thể phát triển thành một trung tâm Kinh tế - Văn hoá của cả nước. Địa thế Hoa Lư "*chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương*", không tương xứng với xu thế đi lên của đất nước.

Thứ tư là mâu thuẫn giữa tư tưởng Phật giáo với những biện pháp bảo vệ chính quyền. Chính quyền thời Đinh - Lê khuyến khích phát triển Phật giáo, *coi đó* là bệ đỡ tư tưởng đối lập với Nho giáo và những ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa nhằm xây dựng một thiết chế chính trị khác với Trung Quốc. *Vị trí của* sư tăng ngày càng tăng lên. Không ít trong số họ trở thành những quan tại

cao cấp trong triều. Tư tưởng nhân ái của Phật được đề cao khó có thể dung hoà với những biện pháp trừng trị tàn khốc mà triều đình phải dựa vào và để duy trì quyền lực.

Nghịch lý ấy được phản ánh qua nhiều sự kiện lịch sử. Việt vương Đinh Liễn là người sùng mộ đạo Phật. Năm 973 ông đã cho làm 100 cột kinh Phật bằng đá để cầu phúc. Nhưng 6 năm sau chính ông lại là người giết em trai. Dưới triều Tiền Lê, Phật giáo vẫn được đề cao, nhưng cũng chính thời đó lại có cảnh vua Long Đinh róc mía trên đầu sư.

Để phát triển đất nước, nhất thiết phải có những đổi thay, những cuộc cải cách sâu sắc. Tiền đề chính trị cho sự biến đổi này xuất hiện khi Lý Công Uẩn được nắm giữ cương vị Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ, một chức võ quan cao cấp. Ông là người có tài năng, đức độ, được các quan lại trong triều mến phục và nhất là ông có được sự ủng hộ nhiệt thành của phe Phật giáo.

Năm 1009 triều Lý thành lập. Chắc hẳn vị vua sáng lập triều Lý từ lâu đã nhận ra những hạn chế của mô hình cai trị thời Đinh - Lê nên ngay sau khi lên ngôi ông đã thực hiện hàng loạt các chính sách. Đây rõ ràng không phải là sự thay đổi triều đại thông thường như vẫn thấy trong lịch sử chế độ phong kiến. Những gì mà Lý Thái Tổ đã làm và sự nghiệp của những người kế tục ông chứng tỏ nhà Lý đã tạo ra một bước chuyển biến lớn trong lịch sử dân tộc.

Quyết định quan trọng đầu tiên của Lý Thái Tổ là dời chuyển kinh đô từ Hoa Lư về Đại La. Tư tưởng lớn của ông có thể thấy rõ qua lời văn hùng tráng trong chiếu dời đô. Ông đã chọn một nơi "ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn, hổ ngồi, chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh.

Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời"⁽⁷⁾. Đặt tên Thăng Long cho kinh đô mới với ý nghĩa Rồng bay cũng phản ánh quyết tâm đưa đất nước đi lên.

Chẳng bao lâu sau Thăng Long trở thành một đô thị lớn với khu hoàng thành tráng lệ, với 61 phố phường dân cư đông đúc, với những chợ búa buôn bán sầm uất. Nhiều công trình kiến trúc văn hoá như tháp Báo Thiên, chùa Diên Hựu, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xây dựng. Kinh thành Thăng Long xứng đáng là một trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của nước Đại Việt hưng thịnh. Sự phát triển mạnh mẽ của đất nước dưới thời Lý được bắt nguồn từ những chính sách cai trị tích cực. Mô hình mới dựng về cơ bản khác với thời Đinh - Lê. Trước hết đó là một mô hình cai trị theo hướng dân sự hoá. Từ 10 đạo, đất nước được đổi thành 24 phủ, lộ. Dưới phủ - lộ là huyện, hương. Đội ngũ quan lại cao cấp được tuyển dụng bằng thi cử. Truyền thống hiếu học, trọng học bắt đầu từ đây.

Để giải quyết mâu thuẫn giữa việc xây dựng một chính quyền dân sự gọn nhẹ với nhu cầu xây dựng một quân đội vững mạnh, nhà Lý đã thực thi chính sách "*ngụ binh ư nông*". Đây chính là bước khởi đầu của tư tưởng quân sự dựa vào dân mà các triều đại phong kiến sau này đã kế thừa và phát huy.

Thay cho biện pháp đề cao quyền uy bằng các hình phạt tàn khốc, nhà Lý cho ban hành bộ luật Hình thư, "*dân lấy làm tiện*" và "*từ đây phép xử án được bằng thẳng, rõ ràng*"⁽⁸⁾. Cùng với hệ thống luật pháp ngày càng được hoàn thiện, chính sách cai trị thân dân ngày càng được áp dụng rộng rãi. Tư tưởng "*lấy dân làm gốc*" cũng bắt đầu hình thành từ đây.

Triều Lý có những chính sách đặc biệt quan tâm đến phát triển kinh tế. Chỉ trong một thời gian ngắn, nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp Đại Việt đã có những bước tiến đáng kể. Đó chính là cơ sở vật chất dồi dào tạo tiền đề cho sự hưng thịnh văn hoá. Những công trình kiến trúc có quy mô lớn được xây dựng ở khắp nơi.

Điều đáng nói là những chính sách cải cách toàn diện, giảm bớt quân đội thường trực, tăng cường các biện pháp cai trị khoan hoà, bớt hình phạt khắc nghiệt không chỉ thúc đẩy kinh tế và văn hoá đất nước phát triển mạnh mà còn tăng cường sức mạnh của Nhà nước. Quyền lực tập trung của chính quyền trung ương không hề suy giảm mà còn tăng lên gấp bội phần. Khi cần huy động lực lượng, vua Lý có ngay một đạo quân lớn có thể đánh tan quân Champa vào năm 1069, buộc nước này phải thần phục, bờ cõi được mở mang. Năm 1075 để ngăn chặn kế hoạch xâm lược của nhà Tống, quân đội triều Lý phối hợp với dân binh các địa phương đã tấn công san phẳng thành Ung Châu. Trong cuộc kháng chiến năm 1077, quân đội Đại Việt đủ sức chặn đứng đạo quân xâm lược do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy ngay trên phòng tuyến sông Cầu, buộc chúng phải tháo chạy. Sau chiến công hiển hách đó, nhà Tống đã buộc phải từ bỏ hoàn toàn ý đồ xâm lược. Nước Đại Việt bước vào thời kỳ sống trong cảnh thái bình thịnh trị gần hai thế kỷ.

Dời đô về Thăng Long vào năm 1010 là sự mở đầu của một sự nghiệp lớn, là bước đi đầu tiên trong quá trình xây dựng một mô hình phát triển đất nước toàn diện. Với ý nghĩa đó, việc dời đô về Thăng Long xứng đáng được coi là sự kiện quan trọng đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh, **Đại cương Lịch sử Việt Nam**, Nxb Giáo dục, 1997, Tr 120.
2. Nguyễn Đình Lễ, Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, Trần Bá Đệ, Nguyễn Ngọc Cơ, **Lịch sử Việt Nam (Từ nguồn gốc đến ngày nay)**, Nxb ĐHQG HN 1998, Tr 106.
3. Nguyễn Ngọc Quang, Vũ Minh Giang, Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Thừa Hỷ, Nguyễn Đình Lễ, Trương Thị Tiến, Phạm Xanh, **Tiến trình lịch sử Việt Nam**, Nxb Giáo dục, 2000, Tr70.
4. Theo ý kiến của tác giả Nguyễn Danh Phiệt (**Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước**, Nxb KHXH, 1990) cục diện 12 sứ quân chỉ tồn tại trong 2 năm 966 - 967, Tr 26.
5. **Đại Việt sử ký toàn thư** (Bản Chính Hoà), Nxb KHXH, T.I, Tr 211.
6. **Đại Việt sử ký toàn thư** (Đã dẫn), Tr 213.
6. **Đại Việt sử ký toàn thư** (Đã dẫn), Tr 241.
8. **Đại Việt sử ký toàn thư** (Đã dẫn), Tr 263.